

令和 2 年 11 月

南空知公衆衛生組合一般廃棄物最終処分場汚水処理施設月報

設置主体名	南空知公衆衛生組合	処理方法	生物処理
設置名	浸出水処理施設	処理能力	60t/日
技術管理者名	湯 浅 敏 晴	放流水の有無	有

項目	水量	P H	透視度	温度	備考
原水流量	27.8 t	7.60	3.0 cm	16.0 °C	
放流量	27.7 t	7.80	50.0 cm	15.1 °C	

(平均値=別紙調査表による)

項目	電灯使用量	動力使用量	水道使用量	備考
月間使用量	297 KWH	3,427 KWH	5.24 t	
日平均使用量	9.6 KWH	110.5 KWH	0.17 t	

項目	一次破碎不燃	二次破碎不燃	破碎不適物	焼却残渣	ビン・缶残渣	プラ残渣
月計	5台: 3.47t	19台: 34.37t	29台: 25.69t	12台: 35.95t	2台: 4.39t	
前月累計	48台: 28.10t	218台: 338.67t	279台: 183.32t	73台: 211.11t	8台: 17.12t	
年度計	53台: 31.57t	237台: 373.04t	308台: 209.01t	85台: 247.06t	10台: 21.51t	

小 計	
月計	67台: 103.87 t
前月累計	626台: 778.32 t
年度計	693台: 882.19 t

項目	脱水ケーキ量	合計(ケーキ量含)
月計	t	67台: 103.87 t
前月累計	1.46 t	626台: 779.78 t
年度計	1.46 t	693台: 883.65 t

項目	覆土運搬状況	埋立量
月計	10台	260 m <sup>3</sup>
前月累計	152台	1,946 m <sup>3</sup>
年度計	162台	2,206 m <sup>3</sup>

項目	日
搬入日数	19
日平均搬入数量	5.47 t

月	ごみ埋立量	搬入台数	薬品名	使用量
4	116.83 t	99台	スケール分散剤	20.00 kg
5	128.30 t	116台	凝集剤 パック	50.00 kg
6	119.77 t	103台	凝集助剤 ポリマ	0.40 kg
7	107.31 t	86台	固形塩素剤	1.00 kg
8	111.17 t	81台	脱水助剤 104	kg
9	85.59 t	70台	脱水助剤 94b	kg
10	110.81 t	71台	アワゼロン	kg
11	103.87 t	67台	清 缶 剤	kg
12	t	台	並 塩	kg
1	t	台	リ ン 酸	kg
2	t	台	保護 マ ッ ト	枚
3	t	台	汚 泥 量	m <sup>3</sup>
			脱水ケーキ量	t
計	883.65 t	693台	脱水機運転時間	H

日	天候	10時気温	最高気温	最低気温
1		°C	°C	°C
2	曇/雨	12 °C	15 °C	4 °C
3		°C	°C	°C
4	曇	6 °C	6 °C	3 °C
5	晴	6 °C	10 °C	1 °C
6	曇	11 °C	15 °C	3 °C
7		°C	°C	°C
8		°C	°C	°C
9	曇/雪	3 °C	5 °C	3 °C
10	曇	4 °C	5 °C	-1 °C
11	晴/曇	2 °C	6 °C	-3 °C
12	晴	1 °C	4 °C	-6 °C
13	曇/雨	4 °C	9 °C	-3 °C
14		°C	°C	°C
15		°C	°C	°C
16	晴/曇	8 °C	10 °C	2 °C
17	晴	5 °C	6 °C	3 °C
18	曇	7 °C	11 °C	1 °C
19	曇/雨	4 °C	8 °C	3 °C
20	曇	14 °C	15 °C	7 °C
21		°C	°C	°C
22		°C	°C	°C
23		°C	°C	°C
24	曇	2 °C	4 °C	-1 °C
25	晴	2 °C	5 °C	-3 °C
26	曇	4 °C	4 °C	1 °C
27	曇	3 °C	4 °C	-2 °C
28		°C	°C	°C
29		°C	°C	°C
30	曇	1 °C	3 °C	-4 °C